

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 835/2025/DS-PT

Ngày: 25-12-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Phước Thanh;

Bà Hoàng Thị Thuý Lành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuý Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 740/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số A đường N, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Võ Thanh S, sinh năm 1994 và chị Trần Thị Thảo U, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Số F, đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số F, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Văn bản uỷ quyền ngày 21/12/2022, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1983, CCCD số:080083015549; địa chỉ: Số A Quốc lộ E, Tổ B, Khu phố D, xã C, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Số A Quốc lộ E, Tổ B, Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1998, CCCD số 001198024478 hoặc/và chị Huỳnh Thị Mai P, sinh năm 2000, CCCD số

066300010260; cùng địa chỉ: Tầng C, số A đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản uỷ quyền ngày 02/7/2025, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Toàn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A đường B, Khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cũ: Số A đường B, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Anh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, anh Võ Thanh S và chị Trần Thị Thảo U trình bày:*

Do quen biết nên ngày 15/5/2012 ông Nguyễn Ngọc X có cho ông Nguyễn Anh T vay số tiền 500.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, hai bên có lập Hợp đồng, ký và ghi rõ họ tên. Cùng ngày, sau khi ông X đưa 500.000.000đ thì ông T có nói không đủ để ông T làm việc riêng nên vay thêm 200.000.000đ, ông X đưa bằng tiền mặt, do tin tưởng nên không lập biên nhận và cũng không ghi thêm vào hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng thì ông Đặng Toàn C là người bảo lãnh khoản vay này cho ông T. Ông C cam kết nếu bên ông T không trả được nợ thì ông C dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa 171, tờ bản đồ số 22-1, đất tại xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để bảo lãnh thanh toán cho ông X.

Hết thời hạn cho vay nhưng ông T không trả cho ông X được khoản lãi và gốc nào, do đó ông X khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Anh T liên đới với ông Đặng Toàn C trả cho ông Nguyễn Ngọc X số tiền đã vay là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Toàn C: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C.

Buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc X số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc X về việc buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc X số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C phải liên đới chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Buộc ông Nguyễn Ngọc X phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch, khấu trừ 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tạm ứng án phí ông X đã nộp theo Biên lai thu số 0002542 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, hoàn trả cho ông X 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 02/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Anh T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng huỷ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, chưa xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, đánh giá tài liệu chứng cứ chưa khách quan, chưa chính xác, không phù hợp với thực tế.

Về vi phạm tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng, tòa án sơ thẩm chưa xác minh tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Ngọc X trong thời điểm xác lập hợp đồng vay, dẫn đến nguy cơ thiếu người tham gia tố tụng, bởi lẽ hợp đồng vay xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông X thì cần phải đưa vợ của ông X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để làm rõ nguồn gốc số tiền vay là tài sản chung hay số tiền riêng của ông X. Hợp đồng vay xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đưa vợ ông T vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền vay có dùng cho mục đích sinh hoạt gia đình hay không, đây là vi phạm tố tụng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án xem xét chưa toàn diện khách quan khi đánh giá chứng cứ không chính xác, xét xử không phù hợp khách quan: Theo nội dung khởi kiện phía ông X yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền là 500.000.000 đồng, tuy nhiên phía nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc giao nhận tiền giữa hai bên. Tòa án sơ thẩm không làm rõ việc vay tiền này giữa hai bên có thật sự xảy ra hay không, mà chỉ dựa vào những tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu 500.000.000 là không khách quan. Chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp có dấu hiệu không hợp pháp. Nguyên đơn cung cấp 02 bản photo hợp đồng đề ngày 15/5/2012, được thể hiện tại Bút lục số 10 và Bút lục số 27. Mặc dù 2 tài liệu trên đều là bản photo của hợp đồng vay 15/5/2012 do nguyên đơn cung cấp nhưng có nội dung không thống nhất. Tại bút lục số 10 có phần viết tay thêm 200.000.000 đồng nhưng tại hợp đồng Bút lục số 27 không có nội dung này. Tại bút lục số 10 có nội dung bên B đã giao đủ số tiền cho bên A và bên B đã nhận đủ số tiền vay. Trong khi đó bút lục số 27 thì lại ghi

nội dung bên A đã giao đủ số tiền cho bên B và bên B đã nhận đủ số tiền vay, nội dung này đã được thẩm phán của tòa án nhân dân khu vực 1 ghi nhận có dấu hiệu tẩy xóa. Ngoài ra không hiểu lý do gì toàn bộ nội dung của hợp đồng ngày 15/5/2012 đều là nội dung đánh máy kể cả nội dung người bảo lãnh là ông Nguyễn Toàn C1 vẫn được đánh máy, riêng đối với bên cho vay ông X và bên vay là ông T lại là viết tay, cho thấy tài liệu chứng cứ trên có dấu hiệu không hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá tài liệu này có hợp pháp hay không mà lại vào tài liệu này để xác định ông T có vay tiền ông X là không khách quan, thiếu sự công tâm trong công tác xét xử, vi phạm nghiêm trọng quy định về tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ theo Điều 97 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông X không có quyền yêu cầu ông T và ông C1 liên đới trả nợ, theo quy định tại Khoản 1, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đó. Trong khi đó căn cứ Điều 335 về việc bảo lãnh, ông X được quyền yêu cầu bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên bảo lãnh là ông T, nếu khi đến hạn ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông X yêu cầu ông C1 trả nợ thay cho ông T, chứ không được yêu cầu cả ông T và ông C1 liên đới trả nợ. Do đó, việc ông X yêu cầu ông T và ông C1 liên đới trả nợ là không có căn cứ.

Khoảng cách tính từ thời điểm xác lập hợp đồng vay 15/5/2012 đến thời điểm khởi kiện 21/12/2022 là hơn 10 năm, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy ý kiến xem xét đối với nguyên đơn vì lý do tại sao lại tiến hành khởi kiện với khoảng cách xa như vậy. Cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ vấn đề này là thiếu sót.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định Bản án cấp sơ thẩm đã đánh giá không khách quan toàn diện của vụ án và tuyên xử không phù hợp thực tế khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Võ Thanh S trình bày:* ông X không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Việc bảo lãnh này là do ông T, ông X, ông C1 ký với nhau hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc cả. Trong hợp đồng vay có nội dung ghi nhận việc nhận số tiền vay và có ông C1 là người bảo lãnh. Ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng để bổ sung tài liệu chứng cứ khởi kiện vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh T thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về tố tụng: Tòa sơ thẩm thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, quyết định đưa

vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa, bản án sơ thẩm (thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) cho ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C đúng quy định tại Điều 179 BLTTDS. Sau khi Tòa án niêm yết Thông báo mở lại phiên tòa số 277/TB-TA ngày 25/02/2025 (ngày niêm yết 25/02/2025, ngày mở lại phiên tòa 25/3/2025), ngày 11/3/2025 ông T có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Gia H được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án nhưng đến ngày Tòa án xét xử bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người liên quan vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa sơ thẩm căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật. Phía ông X xác định đây là tiền cá nhân của ông X và chỉ yêu cầu ông T trả nợ nên không cần thiết đưa thêm người liên quan là vợ ông T vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của ông X rút yêu cầu khởi kiện 200.000.000 đồng nhưng bị đơn không đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không chấp nhận việc rút yêu cầu này.

Về nội dung: ông Nguyễn Ngọc X khởi kiện yêu cầu ông T và ông Đặng Toàn C liên đới trả số tiền 700.000.000đ và cung cấp chứng cứ là Hợp đồng ngày 15/5/2012, Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X, buộc ông T và ông C liên đới trả cho ông X 500.000.000đ. Ông T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Căn cứ nội dung Hợp đồng vay ngày 15/5/2012 do ông Nguyễn Ngọc X cung cấp, có chữ ký của ông Nguyễn Anh T và Đặng Toàn C, thể hiện nội dung ông X cho ông T vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 6 tháng, ông T đã nhận đủ tiền vay, ông C bảo lãnh thanh toán toàn bộ nợ của ông T, nếu ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì ông C dùng tài sản là QSD thửa đất số 171 để thanh toán cho ông X. Bị đơn ông T vắng mặt suốt quá trình xét xử, ngày 11/3/2025 ông T có ủy quyền cho ông Nguyễn Gia H tham gia tố tụng nhưng đến ngày Tòa án xét xử ông H, ông T vắng mặt và không cung cấp chứng cứ phản bác tính xác thực của hợp đồng nên Tòa sơ thẩm căn cứ chứng cứ là Hợp đồng ngày 15/5/2012 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X đối với khoản vay 500 triệu đồng là có cơ sở, kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh T thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Đặng Toàn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Anh T:

[2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông X rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng nhưng không được người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông T đồng ý, căn cứ khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét Hợp đồng đề ngày 15/5/2012 có nội dung: “*Hôm nay ngày 15 tháng 5 năm 2012, tại phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi gồm có: Bên A (bên cho vay) Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1969, CMND số 273431386, địa chỉ: A, X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bên B (bên vay): Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/5/1983, CMND số 301119683, địa chỉ: 2/1103, Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Bên C (bên bảo lãnh) Đặng Toàn C, sinh năm 1989, CMND số 280916694, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.*

*Bên A cho Bên B vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng lãi suất 5%/ tháng, thời hạn 6 tháng; mỗi tháng Bên B đóng lãi 01 lần cho Bên A vào ngày 15 hàng tháng và đến ngày 15/11/2012 Bên B phải trả toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho Bên A. Bên A đã giao đủ số tiền cho Bên B và Bên B đã nhận đủ số tiền vay. Bên C bảo lãnh thanh toán trả toàn bộ nợ của Bên B cho Bên A, nếu Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Bên A thì Bên C dùng tài sản quyền sử dụng đất số BI 434049, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất với diện tích 1387,1m<sup>2</sup>, thửa số 171, tờ bản đồ số 22-1 tọa lạc tại xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương do tôi Đặng Toàn C đứng tên được Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận vào ngày 11/4/2012 thanh toán cho Bên A. Nội dung thỏa thuận trên là tự nguyện, đúng sự thật”. Ông Nguyễn Anh T ký ghi họ tên và xác nhận đã nhận đủ toàn bộ số tiền vay vào Hợp đồng nêu trên. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của ông T cho rằng mặc dù ông T đã ký vào Hợp đồng nêu trên nhưng trên thực tế không nhận số tiền 500.000.000 đồng từ ông X nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông T phải trả lại ông X số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.*

[2.2] Xét, theo Hợp đồng ngày 15/5/2012 thể hiện: “*Bên C (ông Đặng Toàn C) bảo lãnh thanh toán trả toàn bộ nợ của Bên B (ông Nguyễn Anh T) cho Bên A (ông Nguyễn Ngọc X), nếu Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Bên A thì Bên C dùng tài sản quyền sử dụng đất số BI 434049, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất với diện tích 1387,1m<sup>2</sup>, thửa số 171, tờ bản đồ số 22-1 tọa lạc tại xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương do tôi Đặng Toàn C đứng tên được Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận vào ngày 11/4/2012 thanh toán cho Bên A. Nội dung thỏa thuận trên là tự nguyện, đúng sự thật”*. Căn cứ nội dung trên, có cơ sở xác định ông C là người bảo lãnh số nợ trên cho ông T. Do nguyên đơn ông X khởi kiện yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C phải liên đới với bị đơn ông T trả nợ nên căn cứ quy định tại Điều 335 và 342 Bộ luật Dân sự năm 2015, Toà án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông C liên đới với ông T trả nợ là có căn cứ.

[2.3] Xét, tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông T trình bày, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét đưa vợ ông X và ông T vào tham gia

tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đưa thiếu người tham gia tố tụng. Thấy rằng, tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn cho rằng số tiền cho ông T vay là tiền cá nhân ông X và ông X chỉ khởi kiện yêu cầu ông T liên đới cùng ông C trả nợ, không yêu cầu vợ ông T trả nợ. Do đó, việc người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị huỷ án sơ thẩm để đưa vợ ông X, ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

[2.4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền 9.500.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Ngọc X là người yêu cầu thông báo nên phải chịu số tiền trên, ông X đã nộp và chi phí xong. Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết số tiền này là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh T, sửa một phần bản án sơ thẩm về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh T

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 288, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C.

Buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc X số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc X về việc buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc X số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền 9.500.000 đồng, ông X phải chịu, ông X đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Anh T và ông Đặng Toàn C phải liên đới chịu 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Buộc ông Nguyễn Ngọc X phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch, khấu trừ 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tạm ứng án phí ông X đã nộp theo biên lai thu số 0002542 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, hoàn trả cho ông X 6.000.000đ (sáu triệu) đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001154 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trọng Nhân**